TRƯỜNG ĐH NÔNG - LÂM BẮC GIANG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ-TIN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B

PHÒNG THI: 01

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Đặng Phương Anh	TAB01	29/12/1995	Đại Hóa - Tân Yên - Bắc Giang	
2	Ngô Thế Anh	TAB02	13/6/1986	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Lê Thị Bích	TAB03	31/7/1995	Tiên Lục - Lạng Giang - bắc Giang	
4	Nguyễn Văn Bình	TAB04	19/4/1995	Thái Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang	
5	Nguyễn Huyền Chung	TAB05	17/4/1995	Mai Trung - Hiệp Hoà - Bắc Giang	
6	Đặng Hà Bảo Chung	TAB06	27/05/1995	Nông Hòa – Tp Thái Bình - Thái Bình	
7	Trần Phương Cúc	TAB07	28/3/1996	Đông Xá - Vân Đồn - Quảng Ninh	
8	Trần Thị Kim Cúc	TAB08	28/8/1995	Minh Quán - Trấn Yên - Yên Bái	
9	Bàn Mạnh Cường	TAB09	27/01/1996	Tân Hòa - Bình Gia - Lạng Sơn	
10	Nguyễn Quang Đông	TAB10	21/4/1996	TX. Điện Biên - Lai Châu	
11	Hoàng Trung Đức	TAB11	13/7/1995	Trung Minh - TP. Hòa Bình	
12	Trần Thị Dung	TAB12	02/9/1995	Văn Lợi - Quỳ Hợp - Nghệ An	
13	Trần Thị Dung	TAB13	23/3/1995	Bình Dương - Gia Bình - Bắc Ninh	
14	Hoàng Thị Thùy Dung	TAB14	30/11/1996	Vũ Phúc - TP. Thái Bình	
15	Lê Viết Dũng	TAB15	16/6/1996	Tốt Động - Chương Mỹ - Hà Nội	
16	Nguyễn Năng Giang	TAB16	02/10/1995	Ninh Xá - TP. Bắc Ninh	
17	Nguyễn Thị Hồng Hà	TAB17	05/09/1995	Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	
18	Giáp Mai Hằng	TAB18	26/9/1996	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	
19	Phạm Thị Hiền	TAB19	15/5/1995	Quang Trung - Phú Xuyên - Hà Nội	
20	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	TAB20	07/11/1995	Trạm Lộ - Thuận Thành - Bắc Ninh	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 20

TRƯỜNG ĐH NÔNG - LÂM BẮC GIANG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ-TIN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B

PHÒNG THI: 02

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Đỗ Văn Hiếu	TAB21	02/4/1995	Lục Nam - Bắc Giang	
2	Nguyễn Thị Hoa	TAB22	21/9/1988	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Vũ Thu Hoài	TAB23	25/5/1987	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Nguyễn Minh Hoàng	TAB24	30/11/1996	48 Hàng Mã - Hoàn Kiếm - Hà Nội	
5	Phạm Thu Hồng	TAB25	10/9/1996	Minh Sơn - Hữu Lũng - Lạng Sơn	
6	Thân Thị Hồng	TAB26	03/04/1995	Hợp Đức - Tân Yên - Bắc Giang	
7	Nguyễn Thị Huân	TAB27	11/4/1996	Khắc Niệm - TP. Bắc Ninh	
8	Nguyễn Thị Thu Huệ	TAB28	20/8/1996	Tiến Dũng - Yên Dũng - Bắc Giang	
9	Nguyễn Bá Huy	TAB29	03/5/1995	Thái Sơn - Thái Thụy - Thái Bình	
10	Nông Thị Huyên	TAB30	28/11/1994	Việt Chu - Hạ Lang - Cao Bằng	
11	Trịnh Thị Huyền	TAB31	25/6/1989	Nghĩa Minh - Nghĩa Hưng - Nam Định	
12	Hoàng Văn Khải	TAB32	13/4/1995	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	
13	Phùng Thị Liễu	TAB33	13/09/1995	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	
14	Đinh Vĩnh Long	TAB34	26/10/1977	Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang	
15	Đoàn Thị Lý	TAB35	18/8/1995	Mỹ An - Lục Ngạn - Bắc Giang	
16	Lương Thị Ngọc Lý	TAB36	17/7/1995	Vân Nham - Hữu Lũng - Lạng Sơn	
17	Trịnh Thị Minh Nga	TAB37	19/9/1996	Ngọc Châu - Tân Yên - Bắc Giang	
18	Nguyễn Thị Nhung	TAB38	13/12/1996	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	
19	Hoàng Thị Nhung	TAB39	27/01/1995	Bạch Hạ - Phú Xuyên - Hà Nội	
20	Bùi Thị Phương	TAB40	26/9/1995	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	
21	Triệu Mùi Pú	TAB41	19/10/1994	Thông Nguyên - Hoàng Su Phì - Hà Giang	
22	Phạm Văn Quý	TAB42	30/7/1995	Đông Sang - Mộc Châu - Sơn La	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 22

TRƯỜNG ĐH NÔNG - LÂM BẮC GIANG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ-TIN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B

PHÒNG THI: 03

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Quyên	TAB43	15/9/1995	Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang	
2	Trần Thị Ngọc Quyên	TAB44	04/6/1996	Liên Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	
3	Vũ Văn Quyền	TAB45	27/9/1995	Phú Hoà - Lương Tài - Bắc Ninh	
4	Nguyễn Văn Quyết	TAB46	14/10/1996	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	
5	Nguyễn Thị Quỳnh	TAB47	02/7/1995	Gia Thắng - Gia Viễn - Ninh Bình	
6	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TAB48	17/12/1996	Hoàng Khai - Yên Sơn - Tuyên Quang	
7	Lê Thị Như Quỳnh	TAB49	12/02/1994	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	
8	Hoàng Thị Thanh	TAB50	30/10/1996	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
9	Trần Hương Thảo	TAB51	04/8/1995	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	
10	Triệu Thu Thảo	TAB52	17/4/1996	Tân Lập - Bắc Quang - Hà Giang	
11	Hoàng Phương Thảo	TAB53	06/07/1994	Xuân Đám - Cát Hải - Hải Phòng	
12	Đỗ Thị Thi	TAB54	25/01/1996	Đại Từ - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	
13	Nguyễn Thị Thịnh	TAB55	28/02/1995	Đông Phú - Lục Nam - Bắc Giang	
14	Phạm Thị Thơm	TAB56	30/10/1995	Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh	
15	Nguyễn Thị Thu	TAB57	08/8/1995	Phú Hoà - Lương Tài - Bắc Ninh	
16	Phạm Thị Thương	TAB58	25/10/1994	Tân Lập - Lục Ngạn - Bắc Giang	
17	Võ Thị Hồng Thương	TAB59	12/6/1996	Lộc Yên - Hương Khê - Hà Tĩnh	
18	Nguyễn Thị Hoài Thương	TAB60	24/11/1996	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Đỗ Thị Thuý	TAB61	24/11/1995	Ngọc Xá - Quế Võ - Bắc Ninh	
20	Vũ Hồng Thúy	TAB62	01/8/1995	Phố Ràng - Bảo Yên - Lào Cai	
21	Nông Văn Tùng	TAB63	01/4/1996	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	
22	Chu Thị Kiều Vân	TAB64	21/6/1996	Đoàn Đào - Phù Cừ - Hưng Yên	
23	Hoàng Thị Vui	TAB65	26/9/1994	Trọng Con - Thạch An - Cao Bằng	
24	Lê Sơn Tùng	TAB66	05/08/1996	Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 24